

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **24/2020/NQ-HĐND**

Tiền Giang, ngày 10 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;*

*Xét Tờ trình số 332/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết
quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Tiền Giang; Báo cáo
thẩm tra số 112/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Ban Kinh tế -
Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

Các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thị xã (Ủy ban nhân dân cấp huyện), các đơn vị có sử dụng vốn đầu tư công.

Điều 2. Các ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước

- Quốc phòng: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu quốc phòng, cơ yếu, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên trách trung ương và địa phương theo phân cấp; phát triển công nghiệp quốc phòng theo hướng lưỡng dụng.

- An ninh và trật tự, an toàn xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu an ninh và trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, điều tra phòng, chống tội phạm, thi hành án hình sự, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên trách Trung ương và địa phương theo phân cấp.

- Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp thuộc các cấp học từ mầm non đến đại học.

- Khoa học, công nghệ: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, thí nghiệm, thực nghiệm, phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, sở hữu trí tuệ, thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ phát triển công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

- Y tế, dân số và gia đình: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu về y tế (bao gồm y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, cấp cứu, phục hồi chức năng; y học cổ truyền; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; kiểm định, kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm và các hoạt động khác thuộc lĩnh vực y tế), dân số, gia đình, sức khỏe sinh sản, vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Văn hóa, thông tin: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

+ Văn hóa: Bảo vệ, bảo tồn giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, văn hóa dân tộc; phát triển văn học nghệ thuật, điện ảnh, thư viện, bảo tàng, văn hóa cơ sở, các loại hình nghệ thuật biểu diễn; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa;

+ Thông tin: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí của Nhà nước.

- Phát thanh, truyền hình, thông tấn: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát thanh, truyền hình, thông tấn nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu.

- Thể dục, thể thao: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát triển thể dục, thể thao.

- Bảo vệ môi trường: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

+ Môi trường: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị quan trắc, cảnh báo môi trường, bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, rác thải, nước thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững;

+ Tài nguyên: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

- Các hoạt động kinh tế: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

+ Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp,

thủy lợi và thủy sản; kinh tế nông thôn (bao gồm xây dựng nông thôn mới, cung cấp nước sạch và bảo đảm vệ sinh môi trường nông thôn, phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã, bố trí, sắp xếp lại dân cư nông thôn, định canh, định cư, ổn định di dân tự do và tái định cư); phát triển giống cây trồng, vật nuôi; trồng, bảo vệ và phát triển rừng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cháy rừng, dịch bệnh;

+ Công nghiệp: cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo; các nhiệm vụ, dự án thuộc lĩnh vực dầu khí theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cơ sở vật chất và trang thiết bị in, đúc tiền;

+ Giao thông: kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;

+ Khu công nghiệp và khu kinh tế: hạ tầng các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu và hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

+ Thương mại: chợ dân sinh, chợ đầu mối, trung tâm logistic, trung tâm hội chợ triển lãm, kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu;

+ Cấp nước, thoát nước;

+ Kho tàng: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị kho tàng, kho lưu trữ chuyên dụng, kho dự trữ quốc gia, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng;

+ Du lịch: cơ sở hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm, địa bàn du lịch;

+ Viễn thông: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, vật tư, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu viễn thông nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu;

+ Bưu chính: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, vật tư, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu bưu chính nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu;

+ Công nghệ thông tin: hạ tầng thông tin số, kinh tế số; hiện đại hóa công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng và Nhà nước; ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu; các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ quốc gia dùng chung; an toàn, an ninh mạng;

+ Quy hoạch: các nhiệm vụ quy hoạch;

+ Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới.

+ Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ mục tiêu xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở, nhà công vụ, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, nhà nước; dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

- Xã hội: các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị của các cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng, nuôi dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe người lao động; xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ; cơ sở cai nghiện và trợ giúp xã hội khác;

- Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật: Hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng, chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc đối tượng đầu tư công chưa phân loại được vào 12 ngành, lĩnh vực nêu trên.

Trường hợp dự án có nhiều hạng mục đầu tư thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau thì việc phân loại dự án theo ngành, lĩnh vực sẽ căn cứ vào mục tiêu chính của dự án. Riêng đối với dự án có nhiều hạng mục đầu tư thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau, trong đó có mục tiêu quốc phòng, an ninh nhưng không phải là mục tiêu chính, phân loại dự án theo ngành quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công cho các công trình, dự án

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển của địa phương tại quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của địa phương, phù hợp với các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước trong kế hoạch tài chính 5 năm 2021 - 2025. Đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công và tăng cường huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, đẩy mạnh việc thu hút các nguồn vốn xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

5. Phân bổ vốn đầu tư tập trung, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, Hội đồng nhân dân các cấp quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn cấp mình quản lý.

6. Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả các dự án quan trọng, chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu (sạt lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, nước biển dâng,...) bảo đảm an ninh nguồn nước.

7. Ưu tiên phân bổ vốn cho các vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư trong địa phương.

8. Việc bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có);

b) Phân bổ đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn trước (nếu còn);

c) Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

d) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

đ) Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.

9. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 4. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương cho các huyện, thành phố và thị xã

1. Nguyên tắc phân bổ vốn:

a) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh với việc ưu tiên hỗ trợ các khu vực khó khăn khác để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các huyện, thành phố và thị xã trong tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm bố trí vốn bổ sung có mục tiêu cho các chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực đúng quy định theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Nghị quyết này và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển;

c) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư công;

d) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho các địa phương thực hiện như sau:

- Ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn còn thiếu của các dự án thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025; thu hồi vốn ứng trước;

- Số vốn còn lại bố trí cho các dự án mới thuộc các ngành, lĩnh vực theo qui định tại Điều 2 của Nghị quyết này.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn:

Các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất) cho các huyện, thành phố, thị xã, gồm 5 nhóm sau đây:

- a) Tiêu chí dân số: số dân trung bình của từng huyện, thành phố và thị xã;
- b) Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm 3 tiêu chí: tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu sử dụng đất và xổ số kiến thiết) và số điều tiết về ngân sách tỉnh;
- c) Tiêu chí diện tích: diện đất tự nhiên từng huyện, thành phố và thị xã;
- d) Tiêu chí về đơn vị hành chính: số đơn vị hành chính xã, phường và thị trấn (gọi chung là cấp xã) của từng huyện, thành phố và thị xã;
- đ) Các tiêu chí bổ sung, gồm: đô thị loại I, đô thị loại II, đô thị loại III, đô thị loại IV, đô thị loại V và xây dựng Nông thôn mới.

3. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể:

- a) Tiêu chí dân số: số dân trung bình của từng huyện, thành phố và thị xã;

- Điểm của tiêu chí dân số:

Số dân	Điểm
≤ 100.000 người	10
Trên 100.000, cứ 10.000 người tăng thêm được tính thêm	2

- b) Tiêu chí về trình độ phát triển: gồm 3 tiêu chí là tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu sử dụng đất) và số điều tiết về ngân sách tỉnh.

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
$\leq 2 \%$	10
Trên 2%, cứ 1% tăng thêm được tính thêm	1

- Điểm của tiêu chí số thu nội địa:

Thu nội địa (không bao gồm số thu sử dụng đất)	Điểm
Các huyện, thành phố và thị xã có số thu nội địa từ 0 đồng đến 40 tỷ đồng	10
Trên 40 tỷ đồng, cứ 01 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	1

- Điểm của tiêu chí số điều tiết về ngân sách tỉnh:

Số điều tiết về ngân sách tỉnh	Điểm
Các huyện, thành phố và thị xã có tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh từ 0 đồng đến 01 tỷ đồng	10
Trên 01 tỷ đồng, cứ 100 triệu đồng điều tiết tăng thêm về ngân sách tỉnh tính thêm	2

c) Tiêu chí diện tích: diện tích tự nhiên.

- Điểm của tiêu chí diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên	Điểm
≤ 10.000 ha	10
Trên 10.000 ha, cứ 1.000 ha tăng thêm được tính	1,5

d) Tiêu chí về đơn vị hành chính: số đơn vị hành chính xã, phường và thị trấn (gọi chung là cấp xã) của từng huyện, thành phố và thị xã.

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã:

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
Mỗi đơn vị hành chính cấp xã được tính	1

đ) Tiêu chí về loại đô thị và xã nông thôn mới:

Loại đô thị	Điểm
Đô thị loại I	50
Đô thị loại II	40
Đô thị loại III	30
Đô thị loại IV	20
Đô thị loại V	10
Mỗi huyện, thành phố, thị xã xây dựng chưa đạt 01 xã Nông thôn mới trong kế hoạch năm trước sẽ được tính thêm	10

4. Phương pháp tính mức vốn phân bổ cho các huyện, thành phố, thị xã:

a) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện, thành phố, thị xã và tổng số điểm của 11 huyện, thành phố, thị xã làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương;

Số điểm của mỗi huyện, thành phố và thị xã là tổng số điểm về tiêu chí dân số, tiêu chí trình độ phát triển, tiêu chí diện tích tự nhiên, tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã và tiêu chí bổ sung.

b) Số vốn phân bổ cho mỗi huyện, thành phố và thị xã năm kế hoạch được tính như sau:

$$\text{Số vốn phân bổ cho mỗi huyện, thành phố, thị xã} = \frac{\text{Tổng vốn dự kiến phân bổ cho các huyện, thành phố, thị xã}}{\text{Tổng số điểm của các huyện, thành phố, thị xã}} \times \text{Số điểm của mỗi huyện, thành phố, thị xã}$$

c) Trường hợp sau khi phân bổ vốn đầu tư theo các tiêu chí và định mức mới nêu trên, đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện có số vốn đầu tư trong cân đối của kế hoạch năm sau (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất) thấp hơn kế hoạch năm trước sẽ được điều chỉnh, bổ sung bằng dự toán kế hoạch

năm trước đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu.

5. Vốn đầu tư trong cân đối của các huyện, thành phố, thị xã

Vốn đầu tư trong cân đối của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời kỳ ổn định giai đoạn 2021 - 2025 được tính toán trên cơ sở số vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và định mức nêu trên, tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thành phố, thị xã và dự toán số thu tiền sử dụng đất hàng năm của cấp huyện.

Vốn đầu tư trong cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố, thị xã năm 2021 được tính bằng số vốn đã phân bổ năm 2020.

Tổng vốn đầu tư trong cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố, thị xã từ năm 2022 (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và xổ số kiến thiết) được tính tăng 5% so với số vốn đầu tư trong cân đối năm 2021; theo khả năng nguồn vốn Trung ương phân bổ, phần đầu tiếp tục ổn định tốc độ tăng như trên trong các năm 2022 - 2025.

6. Các hỗ trợ, bổ sung có mục tiêu khác từ ngân sách tỉnh:

Ngoài các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn trong cân đối ngân sách giai đoạn 2021 - 2025 qui định tại Nghị quyết này, căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025 của các ngành, địa phương; tỉnh còn hỗ trợ đầu tư và bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thành phố, thị xã các nguồn vốn khác như: vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn chương trình mục tiêu, vốn ngân sách tỉnh, vốn xổ số kiến thiết... để đầu tư các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, cấp thiết có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội khác mà ngân sách huyện, thành phố, thị xã không cân đối được.

Việc phân bổ vốn cho các chương trình, dự án này thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan, nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn hoặc hàng năm đã được Hội đồng nhân dân các cấp thông qua các công trình, dự án cấp thiết, cấp bách phát sinh trong năm kế hoạch khi đầy đủ thủ tục hồ sơ theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện, có những vấn đề phát sinh thì Ủy ban nhân dân tỉnh và

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trao đổi thống nhất xử lý và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa IX, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UB. Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Kế hoạch - Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UB. MTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Danh